

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360349	Nguyễn Thành An	19/08/2005	02YS14C1	7.9	Đạt
2	2213360080	Nguyễn Bình Phương	20/08/2006	02YS14C1	6.5	Đạt
3	2213360301	Trương Huỳnh Nhật	08/11/2006	02YS14C1	7.9	Đạt
4	2213360272	Đỗ Vũ Khánh	28/09/2006	02YS14C1	5.6	Đạt
5	2213240192	Trần Thị Kim	20/08/2003	02YS14A1	8.6	Đạt
6	2213360246	Nguyễn Thành Đạt	19/07/2006	02YS14C1	5.5	Đạt
7	2213360342	Lê Tấn Đạt	18/11/2006	02YS14C1	8.0	Đạt
8	2213240150	Đào Tấn Dũng	16/06/2003	02YS14A1	1.6	Thi lại
9	2213240023	Nguyễn Thị Hồng	17/02/2001	02YS14A1	1.5	Học lại
10	2213240108	Phạm Thị Thúy	14/01/2002	02YS14A1	8.6	Đạt
11	2213240125	Nguyễn Thảo	13/01/2003	02YS14A1	8.9	Đạt
12	2213360294	Trần Phan Thế	11/10/2006	02YS14C1	7.7	Đạt
13	2213360049	Hồ Trung Hiếu	07/08/1999	02YS14C1	1.7	Thi lại
14	2213360293	Siu H'Lý	25/06/2000	02YS14C1	8.5	Đạt
15	2213240010	Đoàn Quang	06/11/2001	02YS14A1	8.8	Đạt
16	2213360287	Trần Ngô Quốc	30/08/2006	02YS14C1	8.1	Đạt
17	2213240148	Đặng Tiến	09/02/2003	02YS14A1	8.3	Đạt
18	2213360280	Lê Mỹ Kỳ	29/04/2006	02YS14C1	6.1	Đạt
19	2213360151	Nguyễn Bảo Gia	27/11/2005	02YS14C1	5.1	Đạt
20	2213360202	Trần Thị Hồng	24/03/2006	02YS14C1	1.8	Thi lại
21	2213240206	Đinh Thị Mỹ	23/01/2003	02YS14A1	8.7	Đạt
22	2213240186	Đỗ Tiến	27/09/2003	02YS14A1	8.0	Đạt
23	2213240048	Trần Dương Phương	02/09/2001	02YS14A1	6.5	Đạt
24	2213360313	Trần Văn Minh	01/06/2004	02YS14C1	7.9	Đạt
25	2213360195	Nguyễn Thị Tố	05/01/2006	02YS14C1	6.4	Đạt
26	2213240089	Nguyễn Thị Thu	01/11/2002	02YS14A1	7.4	Đạt
27	2213240088	Du Bảo Ngọc	01/12/2001	02YS14A1	8.8	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1		
					TB Môn	KQ1	
28	2213240144	Nguyễn Đăng	Nguyễn	30/12/2003	02YS14A1	8.7	Đạt
29	2213240149	Đào Thị Ánh	Nguyệt	12/02/2003	02YS14A1	1.7	Thi lại
30	2213360321	Nguyễn Minh	Nhật	29/10/1999	02YS14C1	1.6	Học lại
31	2213240169	Trương Vũ Quỳnh	Như	14/07/1993	02YS14A1	1.1	Học lại
32	2213360149	Đặng Thiên	Phú	08/06/2006	02YS14C1	8.2	Đạt
33	2213360329	Đoàn Nguyễn Thiện	Phú	27/07/2006	02YS14C1	8.2	Đạt
34	2213240116	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	20/10/2001	02YS14A1	3.3	Thi lại
35	2213360039	Trần Minh	Quân	21/10/2005	02YS14C1	8.0	Đạt
36	2213240117	Võ Ngọc Minh	Quân	26/01/2003	02YS14A1	8.4	Đạt
37	2213240152	Trần Vương	Quốc	06/05/2003	02YS14A1	8.1	Đạt
38	2213240155	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	17/04/2003	02YS14A1	6.4	Đạt
39	2213240020	Phan Duy	Thanh	11/03/1996	02YS14A1	9.2	Đạt
40	2213240189	Bùi Văn	Thạnh	05/02/2002	02YS14A1	8.4	Đạt
41	2213240097	Trần Thị Phương	Thảo	22/08/2000	02YS14A1	8.5	Đạt
42	2213240146	Trần Thị Phương	Thảo	30/12/2003	02YS14A1	8.1	Đạt
43	2213180064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/1989	02YS14A1	8.8	Đạt
44	2213240070	Vũ Đình	Thiện	28/01/1995	02YS14A1	3.9	Thi lại
45	2213240187	Đỗ Thị Mỹ	Tiên	08/04/2003	02YS14A1	8.4	Đạt
46	2213240170	Trần Thị Kim	Tiến	28/08/2003	02YS14A1	8.2	Đạt
47	2213240025	Lương Thùy	Trang	17/09/1999	02YS14A1	8.8	Đạt
48	2213240123	Đặng Thị Huyền	Trang	23/04/2003	02YS14A1	8.6	Đạt
49	2213240173	Châu Quốc	Triệu	12/12/2003	02YS14A1	7.7	Đạt
50	2213360317	Lê Ngọc Vĩnh	Trường	20/07/2005	02YS14C1	8.7	Đạt
51	2213240158	Nguyễn Thanh	Tú	01/08/1993	02YS14A1	1.7	Thi lại
52	2213240141	Trần Quang	Tuyền	18/11/2003	02YS14A1	8.4	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360349	Nguyễn Thành An	19/08/2005	02YS14C1	5.9	Đạt
2	2213360080	Nguyễn Bình Phương Anh	20/08/2006	02YS14C1	6.2	Đạt
3	2213360301	Trương Huỳnh Nhật Anh	08/11/2006	02YS14C1	2.6	Thi lại
4	2213360272	Đỗ Vũ Khánh Băng	28/09/2006	02YS14C1	4.4	Đạt
5	2213240192	Trần Thị Kim Cương	20/08/2003	02YS14A1	6.8	Đạt
6	2213360246	Nguyễn Thành Đạt	19/07/2006	02YS14C1	4.6	Đạt
7	2213360342	Lê Tấn Đạt	18/11/2006	02YS14C1	2.5	Thi lại
8	2213240150	Đào Tấn Dũng	16/06/2003	02YS14A1	1.0	Học lại
9	2213240023	Nguyễn Thị Hồng Gấm	17/02/2001	02YS14A1	1.0	Học lại
10	2213240108	Phạm Thị Thúy Giang	14/01/2002	02YS14A1	6.9	Đạt
11	2213240125	Nguyễn Thảo Hiền	13/01/2003	02YS14A1	8.2	Đạt
12	2213360294	Trần Phan Thế Hiền	11/10/2006	02YS14C1	6.9	Đạt
13	2213360049	Hồ Trung Hiếu	07/08/1999	02YS14C1	1.0	Học lại
14	2213360293	Siu H'Ly	25/06/2000	02YS14C1	5.9	Đạt
15	2213240010	Đoàn Quang Khánh	06/11/2001	02YS14A1	6.9	Đạt
16	2213360287	Trần Ngô Quốc Khánh	30/08/2006	02YS14C1	5.2	Đạt
17	2213240148	Đặng Tiến Khoa	09/02/2003	02YS14A1	6.6	Đạt
18	2213360280	Lê Mỹ Kỳ	29/04/2006	02YS14C1	5.8	Đạt
19	2213360151	Nguyễn Bảo Gia Lạc	27/11/2005	02YS14C1	4.5	Đạt
20	2213360202	Trần Thị Hồng Loan	24/03/2006	02YS14C1	2.4	Thi lại
21	2213240206	Đinh Thị Mỹ Loan	23/01/2003	02YS14A1	8.3	Đạt
22	2213240186	Đỗ Tiến Lực	27/09/2003	02YS14A1	6.5	Đạt
23	2213240048	Trần Dương Phương Mai	02/09/2001	02YS14A1	1.0	Học lại
24	2213360313	Trần Văn Minh	01/06/2004	02YS14C1	6.9	Đạt
25	2213360195	Nguyễn Thị Tố Nga	05/01/2006	02YS14C1	5.7	Đạt
26	2213240089	Nguyễn Thị Thu Ngân	01/11/2002	02YS14A1	5.4	Đạt
27	2213240088	Du Bảo Ngọc	01/12/2001	02YS14A1	6.5	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
28	2213240144	Nguyễn Đăng Nguyên	30/12/2003	02YS14A1	6.5	Đạt
29	2213240149	Đào Thị Ánh Nguyệt	12/02/2003	02YS14A1	1.0	Học lại
30	2213360321	Nguyễn Minh Nhật	29/10/1999	02YS14C1	1.0	Học lại
31	2213240169	Trương Vũ Quỳnh Như	14/07/1993	02YS14A1	1.2	Học lại
32	2213360149	Đặng Thiên Phú	08/06/2006	02YS14C1	5.8	Đạt
33	2213360329	Đoàn Nguyễn Thiện Phú	27/07/2006	02YS14C1	5.3	Đạt
34	2213240116	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	20/10/2001	02YS14A1	3.3	Thi lại
35	2213360039	Trần Minh Quân	21/10/2005	02YS14C1	6.5	Đạt
36	2213240117	Võ Ngọc Minh Quân	26/01/2003	02YS14A1	7.6	Đạt
37	2213240152	Trần Vương Quốc	06/05/2003	02YS14A1	2.7	Thi lại
38	2213240155	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	17/04/2003	02YS14A1	7.8	Đạt
39	2213240020	Phan Duy Thanh	11/03/1996	02YS14A1	7.9	Đạt
40	2213240189	Bùi Văn Thạnh	05/02/2002	02YS14A1	7.0	Đạt
41	2213240097	Trần Thị Phương Thảo	22/08/2000	02YS14A1	7.6	Đạt
42	2213240146	Trần Thị Phương Thảo	30/12/2003	02YS14A1	7.0	Đạt
43	2213180064	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/11/1989	02YS14A1	2.5	Thi lại
44	2213240070	Vũ Đình Thiện	28/01/1995	02YS14A1	7.7	Đạt
45	2213240187	Đỗ Thị Mỹ Tiên	08/04/2003	02YS14A1	6.6	Đạt
46	2213240170	Trần Thị Kim Tiên	28/08/2003	02YS14A1	6.9	Đạt
47	2213240025	Lương Thùy Trang	17/09/1999	02YS14A1	7.7	Đạt
48	2213240123	Đặng Thị Huyền Trang	23/04/2003	02YS14A1	8.4	Đạt
49	2213240173	Châu Quốc Triệu	12/12/2003	02YS14A1	7.3	Đạt
50	2213360317	Lê Ngọc Vĩnh Trường	20/07/2005	02YS14C1	6.8	Đạt
51	2213240158	Nguyễn Thanh Tú	01/08/1993	02YS14A1	1.7	Học lại
52	2213240141	Trần Quang Tuyến	18/11/2003	02YS14A1	7.3	Đạt
53	2223180015	Huỳnh Quốc Thanh	06/02/1998	02YS14A1	2.5	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: SỨC KHỎE TRẺ EM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360349	Nguyễn Thành An	19/08/2005	02YS14C1	7.8	Đạt
2	2213360080	Nguyễn Bình Phương Anh	20/08/2006	02YS14C1	7.7	Đạt
3	2213360301	Trương Huỳnh Nhật Anh	08/11/2006	02YS14C1	8.1	Đạt
4	2213360272	Đỗ Vũ Khánh Băng	28/09/2006	02YS14C1	4.3	Đạt
5	2213240192	Trần Thị Kim Cương	20/08/2003	02YS14A1	8.4	Đạt
6	2213360246	Nguyễn Thành Đạt	19/07/2006	02YS14C1	0.0	Học lại
7	2213360342	Lê Tấn Đạt	18/11/2006	02YS14C1	7.4	Đạt
8	2213240150	Đào Tấn Dũng	16/06/2003	02YS14A1	0.7	Học lại
9	2213240102	Nguyễn Hà Mỹ Duyên	24/12/1997	02YS14A1	0.8	Học lại
10	2213240023	Nguyễn Thị Hồng Gấm	17/02/2001	02YS14A1	0.0	Học lại
11	2213240108	Phạm Thị Thúy Giang	14/01/2002	02YS14A1	7.5	Đạt
12	2213240183	Trương Thị Mỹ Hạnh	17/03/1996	02YS14A1	0.0	Học lại
13	2213240125	Nguyễn Thảo Hiền	13/01/2003	02YS14A1	8.6	Đạt
14	2213360294	Trần Phan Thế Hiền	11/10/2006	02YS14C1	7.9	Đạt
15	2213360049	Hồ Trung Hiếu	07/08/1999	02YS14C1	0.8	Học lại
16	2213360293	Siu H'Lý	25/06/2000	02YS14C1	6.4	Đạt
17	2213240010	Đoàn Quang Khánh	06/11/2001	02YS14A1	8.4	Đạt
18	2213360287	Trần Ngô Quốc Khánh	30/08/2006	02YS14C1	7.6	Đạt
19	2213240148	Đặng Tiến Khoa	09/02/2003	02YS14A1	8.4	Đạt
20	2213360280	Lê Mỹ Kỳ	29/04/2006	02YS14C1	4.0	Đạt
21	2213360151	Nguyễn Bảo Gia Lạc	27/11/2005	02YS14C1	5.0	Đạt
22	2213360202	Trần Thị Hồng Loan	24/03/2006	02YS14C1	4.8	Đạt
23	2213240206	Đinh Thị Mỹ Loan	23/01/2003	02YS14A1	8.5	Đạt
24	2213240115	Lâm Văn Long	10/10/2003	02YS14A1	0.0	Học lại
25	2213240186	Đỗ Tiến Lực	27/09/2003	02YS14A1	8.4	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: SỨC KHỎE TRẺ EM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm	
						TBM Lần 1	
						TB Môn	KQ1
26	2213240048	Trần Dương Phương	Mai	02/09/2001	02YS14A1	0.8	Học lại
27	2213360313	Trần Văn	Minh	01/06/2004	02YS14C1	7.5	Đạt
28	2213360195	Nguyễn Thị Tố	Nga	05/01/2006	02YS14C1	5.1	Đạt
29	2213240089	Nguyễn Thị Thu	Ngân	01/11/2002	02YS14A1	6.2	Đạt
30	2213240088	Du Bảo	Ngọc	01/12/2001	02YS14A1	6.7	Đạt
31	2213240144	Nguyễn Đăng	Nguyên	30/12/2003	02YS14A1	7.0	Đạt
32	2213240149	Đào Thị Ánh	Nguyệt	12/02/2003	02YS14A1	0.0	Học lại
33	2213360321	Nguyễn Minh	Nhật	29/10/1999	02YS14C1	0.0	Học lại
34	2213360011	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	08/07/2003	02YS14C1	0.0	Học lại
35	2213240169	Trương Vũ Quỳnh	Như	14/07/1993	02YS14A1	0.0	Học lại
36	2213360149	Đặng Thiên	Phú	08/06/2006	02YS14C1	8.3	Đạt
37	2213360329	Đoàn Nguyễn Thiện	Phú	27/07/2006	02YS14C1	8.9	Đạt
38	2213360296	Lê Ngọc Anh	Phụng	21/03/1998	02YS14B1	0.0	Học lại
39	2213240116	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	20/10/2001	02YS14A1	3.5	Thi lại
40	2213360039	Trần Minh	Quân	21/10/2005	02YS14C1	5.9	Đạt
41	2213240117	Võ Ngọc Minh	Quân	26/01/2003	02YS14A1	8.0	Đạt
42	2213240152	Trần Vương	Quốc	06/05/2003	02YS14A1	8.0	Đạt
43	2213240155	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	17/04/2003	02YS14A1	9.1	Đạt
44	2213240020	Phan Duy	Thanh	11/03/1996	02YS14A1	8.8	Đạt
45	2213240189	Bùi Văn	Thanh	05/02/2002	02YS14A1	8.2	Đạt
46	2213240097	Trần Thị Phương	Thảo	22/08/2000	02YS14A1	6.6	Đạt
47	2213240146	Trần Thị Phương	Thảo	30/12/2003	02YS14A1	7.3	Đạt
48	2213180064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/1989	02YS14A1	8.2	Đạt
49	2213240070	Vũ Đình	Thiện	28/01/1995	02YS14A1	8.5	Đạt
50	2213240187	Đỗ Thị Mỹ	Tiên	08/04/2003	02YS14A1	8.8	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: SỨC KHỎE TRẺ EM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
51	2213360132	Trương Đức Tiến	30/07/2000	02YS14C1	0.0	Học lại
52	2213240170	Trần Thị Kim Tiến	28/08/2003	02YS14A1	6.9	Đạt
53	2213240025	Lương Thùy Trang	17/09/1999	02YS14A1	8.7	Đạt
54	2213240123	Đặng Thị Huyền Trang	23/04/2003	02YS14A1	8.4	Đạt
55	2213240127	Trần Ngọc Trang	15/05/2002	02YS14A1	0.0	Học lại
56	2213240173	Châu Quốc Triệu	12/12/2003	02YS14A1	8.3	Đạt
57	2213240120	Nguyễn Nhật Trung	26/08/2003	02YS14A1	0.0	Học lại
58	2213360317	Lê Ngọc Vĩnh Trường	20/07/2005	02YS14C1	8.3	Đạt
59	2213240158	Nguyễn Thanh Tú	01/08/1993	02YS14A1	0.0	Học lại
60	2213240141	Trần Quang Tuyến	18/11/2003	02YS14A1	8.0	Đạt
61	2223180015	Huỳnh Quốc Thanh	06/02/1998	02YS14A1	9.1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: BỆNH NỘI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360349	Nguyễn Thành An	19/08/2005	02YS14C1	7.8	Đạt
2	2213360080	Nguyễn Bình Phương Anh	20/08/2006	02YS14C1	1.6	Học lại
3	2213360301	Trương Huỳnh Nhật Anh	08/11/2006	02YS14C1	7.4	Đạt
4	2213360272	Đỗ Vũ Khánh Băng	28/09/2006	02YS14C1	1.9	Học lại
5	2213240192	Trần Thị Kim Cương	20/08/2003	02YS14A1	9.2	Đạt
6	2213360246	Nguyễn Thành Đạt	19/07/2006	02YS14C1	0.9	Học lại
7	2213360342	Lê Tấn Đạt	18/11/2006	02YS14C1	6.6	Đạt
8	2213240108	Phạm Thị Thúy Giang	14/01/2002	02YS14A1	8.2	Đạt
9	2213240125	Nguyễn Thảo Hiền	13/01/2003	02YS14A1	8.9	Đạt
10	2213360294	Trần Phan Thế Hiền	11/10/2006	02YS14C1	7.8	Đạt
11	2213360049	Hồ Trung Hiếu	07/08/1999	02YS14C1	0.0	Học lại
12	2213360293	Siu H'Lý	25/06/2000	02YS14C1	8.5	Đạt
13	2213240010	Đoàn Quang Khánh	06/11/2001	02YS14A1	8.3	Đạt
14	2213360287	Trần Ngô Quốc Khánh	30/08/2006	02YS14C1	6.8	Đạt
15	2213240148	Đặng Tiến Khoa	09/02/2003	02YS14A1	7.8	Đạt
16	2213360280	Lê Mỹ Kỳ	29/04/2006	02YS14C1	5.6	Đạt
17	2213360151	Nguyễn Bảo Gia Lạc	27/11/2005	02YS14C1	4.6	Đạt
18	2213360202	Trần Thị Hồng Loan	24/03/2006	02YS14C1	1.3	Học lại
19	2213240206	Đinh Thị Mỹ Loan	23/01/2003	02YS14A1	8.6	Đạt
20	2213240186	Đỗ Tiến Lực	27/09/2003	02YS14A1	8.5	Đạt
21	2213240048	Trần Dương Phương Mai	02/09/2001	02YS14A1	2.0	Thi lại
22	2213360313	Trần Văn Minh	01/06/2004	02YS14C1	7.1	Đạt
23	2213360195	Nguyễn Thị Tố Nga	05/01/2006	02YS14C1	7.2	Đạt
24	2213240089	Nguyễn Thị Thu Ngân	01/11/2002	02YS14A1	3.2	Thi lại
25	2213240088	Du Bảo Ngọc	01/12/2001	02YS14A1	8.1	Đạt
26	2213240144	Nguyễn Đăng Nguyên	30/12/2003	02YS14A1	8.4	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: BỆNH NỘI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
27	2213360149	Đặng Thiên Phú	08/06/2006	02YS14C1	8.3	Đạt
28	2213360329	Đoàn Nguyễn Thiện Phú	27/07/2006	02YS14C1	8.1	Đạt
29	2213360296	Lê Ngọc Anh Phụng	21/03/1998	02YS14B1	0.0	Học lại
30	2213360039	Trần Minh Quân	21/10/2005	02YS14C1	6.6	Đạt
31	2213240117	Võ Ngọc Minh Quân	26/01/2003	02YS14A1	8.8	Đạt
32	2213240152	Trần Vương Quốc	06/05/2003	02YS14A1	8.5	Đạt
33	2213240155	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	17/04/2003	02YS14A1	8.0	Đạt
34	2213240020	Phan Duy Thanh	11/03/1996	02YS14A1	9.1	Đạt
35	2213240189	Bùi Văn Thanh	05/02/2002	02YS14A1	8.5	Đạt
36	2213240097	Trần Thị Phương Thảo	22/08/2000	02YS14A1	8.4	Đạt
37	2213240146	Trần Thị Phương Thảo	30/12/2003	02YS14A1	8.8	Đạt
38	2213180064	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/11/1989	02YS14A1	7.9	Đạt
39	2213240070	Vũ Đình Thiện	28/01/1995	02YS14A1	8.5	Đạt
40	2213240187	Đỗ Thị Mỹ Tiên	08/04/2003	02YS14A1	7.7	Đạt
41	2213240170	Trần Thị Kim Tiến	28/08/2003	02YS14A1	8.4	Đạt
42	2213240025	Lương Thùy Trang	17/09/1999	02YS14A1	8.9	Đạt
43	2213240123	Đặng Thị Huyền Trang	23/04/2003	02YS14A1	8.2	Đạt
44	2213240173	Châu Quốc Triệu	12/12/2003	02YS14A1	8.6	Đạt
45	2213360317	Lê Ngọc Vĩnh Trường	20/07/2005	02YS14C1	7.8	Đạt
46	2213240141	Trần Quang Tuyến	18/11/2003	02YS14A1	9.0	Đạt
47	2223180015	Huỳnh Quốc Thanh	06/02/1998	02YS14A1	8.3	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: BỆNH NGOẠI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360349	Nguyễn Thành An	19/08/2005	02YS14C1	1.9	Học lại
2	2213360080	Nguyễn Bình Phương Anh	20/08/2006	02YS14C1	4.6	Đạt
3	2213360301	Trương Huỳnh Nhật Anh	08/11/2006	02YS14C1	1.9	Học lại
4	2213360272	Đỗ Vũ Khánh Băng	28/09/2006	02YS14C1	1.9	Học lại
5	2213240192	Trần Thị Kim Cương	20/08/2003	02YS14A1	7.6	Đạt
6	2213360246	Nguyễn Thành Đạt	19/07/2006	02YS14C1	1.9	Học lại
7	2213360342	Lê Tấn Đạt	18/11/2006	02YS14C1	4.2	Đạt
8	2213240108	Phạm Thị Thúy Giang	14/01/2002	02YS14A1	5.0	Đạt
9	2213240125	Nguyễn Thảo Hiền	13/01/2003	02YS14A1	7.2	Đạt
10	2213360294	Trần Phan Thế Hiền	11/10/2006	02YS14C1	1.9	Học lại
11	2213360049	Hồ Trung Hiếu	07/08/1999	02YS14C1	0.0	Học lại
12	2213360293	Siu H'Lý	25/06/2000	02YS14C1	6.5	Đạt
13	2213240010	Đoàn Quang Khánh	06/11/2001	02YS14A1	7.7	Đạt
14	2213360287	Trần Ngô Quốc Khánh	30/08/2006	02YS14C1	1.9	Học lại
15	2213240148	Đặng Tiến Khoa	09/02/2003	02YS14A1	6.9	Đạt
16	2213360280	Lê Mỹ Kỳ	29/04/2006	02YS14C1	1.9	Học lại
17	2213360151	Nguyễn Bảo Gia Lạc	27/11/2005	02YS14C1	1.6	Học lại
18	2213360202	Trần Thị Hồng Loan	24/03/2006	02YS14C1	1.5	Học lại
19	2213240206	Đinh Thị Mỹ Loan	23/01/2003	02YS14A1	5.7	Đạt
20	2213240186	Đỗ Tiến Lực	27/09/2003	02YS14A1	1.9	Học lại
21	2213240048	Trần Dương Phương Mai	02/09/2001	02YS14A1	4.9	Đạt
22	2213360313	Trần Văn Minh	01/06/2004	02YS14C1	1.9	Học lại
23	2213360195	Nguyễn Thị Tố Nga	05/01/2006	02YS14C1	3.9	Thi lại
24	2213240089	Nguyễn Thị Thu Ngân	01/11/2002	02YS14A1	5.5	Đạt
25	2213240088	Du Bảo Ngọc	01/12/2001	02YS14A1	6.9	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: BỆNH NGOẠI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
26	2213240144	Nguyễn Đăng Nguyên	30/12/2003	02YS14A1	1.9	Học lại
27	2213360149	Đặng Thiên Phú	08/06/2006	02YS14C1	5.8	Đạt
28	2213360329	Đoàn Nguyễn Thiện Phú	27/07/2006	02YS14C1	1.9	Học lại
29	2213360296	Lê Ngọc Anh Phụng	21/03/1998	02YS14B1	0.0	Học lại
30	2213360039	Trần Minh Quân	21/10/2005	02YS14C1	5.5	Đạt
31	2213240117	Võ Ngọc Minh Quân	26/01/2003	02YS14A1	1.9	Học lại
32	2213240152	Trần Vương Quốc	06/05/2003	02YS14A1	1.9	Học lại
33	2213240155	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	17/04/2003	02YS14A1	1.9	Học lại
34	2213240020	Phan Duy Thanh	11/03/1996	02YS14A1	8.3	Đạt
35	2213240189	Bùi Văn Thạnh	05/02/2002	02YS14A1	1.9	Học lại
36	2213240097	Trần Thị Phương Thảo	22/08/2000	02YS14A1	7.1	Đạt
37	2213240146	Trần Thị Phương Thảo	30/12/2003	02YS14A1	1.9	Học lại
38	2213180064	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/11/1989	02YS14A1	7.4	Đạt
39	2213240070	Vũ Đình Thiện	28/01/1995	02YS14A1	8.0	Đạt
40	2213240187	Đỗ Thị Mỹ Tiên	08/04/2003	02YS14A1	5.7	Đạt
41	2213240170	Trần Thị Kim Tiến	28/08/2003	02YS14A1	1.9	Học lại
42	2213240025	Lương Thùy Trang	17/09/1999	02YS14A1	7.1	Đạt
43	2213240123	Đặng Thị Huyền Trang	23/04/2003	02YS14A1	6.1	Đạt
44	2213240173	Châu Quốc Triệu	12/12/2003	02YS14A1	4.8	Đạt
45	2213360317	Lê Ngọc Vĩnh Trường	20/07/2005	02YS14C1	4.3	Đạt
46	2213240141	Trần Quang Tuyến	18/11/2003	02YS14A1	1.9	Học lại
47	2223180015	Huỳnh Quốc Thanh	06/02/1998	02YS14A1	1.9	Học lại
48	2203240242	Phạm Lan Anh	05/05/1999	02YS13A2	7.5	Đạt